TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/DS-ST
Ngày 04 - 4 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang

Bà Trần Thị Hoài Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Tuyết T (Huỳnh Hoàng O), sinh năm 1964 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh V (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/9/2021 âm lịch, bà có cho ông V vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tuy nhiên ông V không đóng tiền lãi cho bà từ khi vay đến nay, số tiền lãi ông V thiếu bà từ ngày 11/10/2021 đến ngày 21/12/2024 âm lịch (nhằm ngày 15/11/2021 đến ngày 20/01/2025 dương lịch) là 38 tháng với số tiền 6.308.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 16.308.000 đồng.

Ngày 05/11/2021 âm lịch, bà có cho ông V vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tuy nhiên ông V không đóng tiền lãi cho bà từ khi vay đến nay, số tiền lãi ông V thiếu bà từ ngày 05/12/2021 đến tháng 12/2024 âm lịch (nhằm ngày 07/01/2022 đến ngày 20/01/2025 dương lịch) là 36 tháng với số tiền

11.952.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 31.952.000 đồng.

Theo thỏa thuận thì ông V hứa khi nào có sẽ trả cho bà nhưng đến nay ông V vẫn chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho bà.

Nay bà yêu cầu ông V trả cho bà tổng số tiền gốc và lãi 02 khoản 48.260.000 đồng, trong đó tiền gốc 30.000.000 đồng, lãi 18.260.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng:

Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với văn bản ngày 05/11/2021 có nội dung: *"Tôi Huỳnh Thanh V có hỏi chế 6 Oanh 20.000.000"* và văn bản ngày 11/9/2021 thể hiện nội dung: *"Em Huỳnh Thanh V có hỏi chế 6 Quanh 10.000.000"*, hai văn bản đều có chữ ký của ông V. Theo nguyên đơn xác định, quá trình vay bị đơn không thanh toán nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số nợ trên. Tại văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, huyện P xác nhận bà Huỳnh Thị Tuyết T và bà Huỳnh Hoàng O là cùng một người.

Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu lãi suất chậm trả:

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với khoản vay ngày 11/9/2021 nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 15/11/2021 đến ngày 20/01/2025 với số tiền 6.308.000 đồng; đối với khoản vay ngày 05/11/2021, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 07/01/2022 đến ngày 20/01/2025 với số tiền 11.952.000 đồng.

Mức lãi suất và số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 48.260.000 đồng, trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 18.260.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 2.413.000 đồng.

Nguyên đơn được miễn dự nộp do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tuyết T (Huỳnh Hoàng O).

Buộc ông Huỳnh Thanh V có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Tuyết T (Huỳnh Hoàng O) số tiền 48.260.000 đồng (Bốn mươi tám triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà T được miễn.

- Ông V phải chịu 2.413.000 đồng (Hai triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm